TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ D** TỈNH B	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 732/2019/QĐST- HNGĐ	*Dĩ An, ngày 11 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ D, TỈNH B

Căn cứ vào Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 990/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2019, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1988; thường trú: Thôn 7, xã H, thành phố B, tỉnh Đ; tạm trú: Số 110A/4, khu phố N1, phường B, thị xã D, tỉnh B và chị Trương Thị Cẩm T, sinh năm 1994; thường trú: Ấp T, xã Đ, huyện C, thành phố C; tạm trú: Số 192/19, khu phố N1, phường B, thị xã D, tỉnh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 10 năm 2019 của Trung tâm hòa giải, đối thoại Tòa án nhân dân thị xã D là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Cẩm T và anh Nguyễn Minh H thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 100, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đ cấp ngày 25/07/2013).

- Về con chung: Anh Nguyễn Minh H đồng ý giao con chung tên Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 22/12/2013 cho chị Trương Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Minh H tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con được thực hiện từ khi quyết định có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Trương Thị Cẩm T có yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Minh H không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng anh Nguyễn Minh H còn phải trả cho chị Trương Thị Cẩm T khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau ly hôn, Chị Trương Thị Cẩm T và anh Nguyễn Minh H đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về Lệ phí Tòa án: Chị Trương Thị Cẩm T và anh Nguyễn Minh H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền lệ phí yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí tòa án đã nộp theo biên lai thu tiền số 0029367 ngày 03 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã D.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B (01);
- VKSND thị xã D (01);
- Chi cục THADS thị xã D (01);
- Đương sự (02);
- UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đ (01);
- Lưu: VT, HSVA (02).

THẨM PHÁN

Kiều Thị Uyên